

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST

Ngày 28-06-2023

V/v: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, QSD
tài sản chung để thi hành án; tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;
Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Trỗi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 01; ngày 08, 09 và ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, QSD tài sản chung để thi hành án; tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2023/QĐ-ST ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Trường S, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 3, đường T, khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (đại diện theo ủy quyền).

Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Phạm Trọng A, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (đại diện theo chỉ định của Tòa án).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Ngọc G, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã r, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Anh Phạm Trọng A, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Anh Phạm Trường A, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt: Ngân hàng).

Người đại diện hợp pháp Ngân hàng: Ông Lê Tấn Nh – Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Agribank chi nhánh huyện N (đại diện theo ủy quyền).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Huỳnh Mỹ S1 - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau, thực hiện trợ giúp pháp lý theo Thông báo của Tòa án.

Bà H, ông S, bà S1 có mặt tại phiên tòa;

Bà V, anh Trọng A, anh Trường A vắng mặt;

Đại diện Ngân hàng và chị G có đơn xin vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày yêu cầu khởi kiện:*

Năm 2015, bà Lê Thị V có tham gia nhiều chân hội do bà H làm chủ, loại hội bỏ thăm cao được hót, chủ hội có hưởng tiền hoa hồng, cụ thể: Hội 3.000.000 đồng mở ngày 15/4/2015 âm lịch tham gia 04 chân; hót 03 chân còn 01 chân sống; hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/10/2015 âm lịch bà V tham gia 02 chân hót 01 chân, còn 01 chân sống; hội 1.000.000 đồng mở ngày 29/12/2015 bà V tham gia 03 chân hót 01 chân còn 02 chân hội sống. Sau khi hót hội, có đóng hội đến 20/4/2016 bà V ngưng đóng hội của ba dây hội, tổng số tiền nợ tính đến mãn hội 289.400.000 đồng. Bà H khởi kiện bà V, bản án có hiệu lực pháp luật bà H yêu cầu thi hành án.

Theo Quyết định số 40/QĐ-CCTHADS ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn xác định bà V “Chưa có điều kiện thi hành án”.

Thời điểm tham gia hội bà V có tài sản chung với ông Phạm Minh Th (ông Th là chồng bà V, chết ngày 02/8/2014), tài sản là quyền sử dụng (QSD) đất nuôi

thủy sản (NTS) tọa lạc tại ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, thuộc thửa số 113 + 138 tờ bản đồ số 09 diện tích 33.350m².

Ngày 21/7/2016, bà V và các con bà V làm văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế và từ chối nhận tài sản thừa kế, bà V giao hết tài sản cho 02 người con trai là anh Phạm Trọng A và Phạm Trường A. Việc phân chia và từ chối nhận tài sản của bà V nhằm mục đích tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ tài sản đối với bà H, trong khi đó bà V không còn tài sản nào khác để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, việc này ảnh hưởng đến quyền lợi bà H, làm cho bà gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ cho các hội viên khác.

Yêu cầu Tòa án hủy 02 văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà V lập ngày 21/7/2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ; hủy 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế của bà V lập ngày 21/7/2016 tại UBND xã Đ; công nhận bà V có ½ phần tài sản chung với ông Phạm Minh Th, phần đất NTS thuộc thửa 113 + 138 tờ bản đồ số 09 diện tích 33.350m².

** Bị đơn bà Lê Thị V:* Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có văn bản trả lời cho Tòa án

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Ngọc G, anh Phạm Trường A, anh Phạm Trọng A, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời vụ án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam người đại diện trình bày yêu cầu:* Anh Phạm Trọng A có vay tiền tại Ngân hàng Agribank chi nhánh N với số tiền là 150.000.000 đồng, theo hợp đồng vay số 7509-LAV-202022001353 ngày 27/3/2020; đảm bảo việc vay có ký hợp đồng thế chấp QSD đất số DM-31/20/HĐTC ngày 25/3/2020. QSD đất thế chấp số CE839037, CE839038 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 16/02/2017, tổng diện tích 24.053m² thuộc thửa số 290, 291 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Yêu cầu anh Trọng A thanh toán gốc lãi theo hợp đồng đã ký, trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng ký kết.

Ngày 19/6/2023, Ngân hàng có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung đơn đã khởi kiện đối với anh Trọng A, vì đã thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến của nguyên đơn: Bị đơn bắt đầu tham gia hội với nguyên đơn tháng 4 năm 2015, đến tháng 4 năm 2016 không còn khả năng đóng hội, bị đơn cũng không có tài sản khác để thanh toán; nguyên đơn tràn hội để giao cho hội viên khác. Trong khi đó bị đơn có tài sản chung với ông Th là QSD đất, lấy tài sản giao cho người khác là nhằm trốn tránh

nghĩa vụ với người thứ ba vi phạm điều cấm. Đối với tài sản anh Trọng A thế chấp Ngân hàng, nay Ngân hàng đã rút không có ý kiến. Từ lý do trên, yêu cầu Tòa án hủy 02 biên bản từ chối nhận tài sản thừa kế, 02 biên bản chia thừa kế tài sản được chứng thực tại UBND xã Đ cùng ngày 21/7/2016 và công nhận bà V có tài sản chung với ông Th. Cơ sở pháp lý là bà V với ông Th vợ chồng, tài sản phát sinh thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai và Bộ luật Dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V trình bày ý kiến:

Yêu cầu của bà H không có căn cứ, vì văn bản từ chối nhận thừa kế và chia tài sản thừa kế ngày 21/7/2016, lúc đó chưa phát sinh tranh chấp với bà H, chưa có bản án thì chưa gọi là bảo vệ người thứ ba; hợp đồng dân sự dựa trên nguyên tắc thỏa thuận các bên, khi chơi hụi bà V không đem tài sản thế chấp; niêm yết thủ tục cấp giấy tại UBND xã cho con bà V thì bà H cũng không ý kiến, bà V có quyền nhận hay không nhận tài sản, tài sản do ông Thuận đứng tên có thể được cha mẹ tặng cho nên là tài sản riêng của ông Th, bà H phải chứng minh đây là tài sản chung của bà V với ông Th, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên hủy 02 văn bản phân chia tài sản thừa kế và 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế của bà Lê Thị V lập ngày 21/7/2016 chứng thực tại UBND xã Đ; công nhận bà Lê Thị V có ½ tài sản chung với ông Phạm Minh Th, phần đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 113+138 tờ bản đồ số 09 diện tích 33.350m².

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc khởi kiện anh Trọng A về việc thanh toán tiền gốc lãi theo hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp.

Chi phí tố tụng: Bà H đồng ý nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được ghi nhận; án phí, tại tòa người bảo vệ quyền lợi cho bà V có yêu cầu được miễn do bà V là người khuyết tật nên được miễn; bà H và Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

- Bà Phạm Ngọc H khởi kiện bà Lê Thị V, nên bà H là nguyên đơn, bà V là bị đơn.

- Anh Phạm Trường A, Phạm Trọng A và chị Phạm Ngọc G tuy không khởi kiện, bị kiện nhưng việc giải quyết vụ án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các anh chị này nên nguyên đơn xác định các anh chị này là người có liên quan là có cơ sở phù hợp với khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với Ngân hàng, quá trình giải quyết vụ án, phân đất anh Trọng A được cấp giấy chứng nhận QSD đất, anh Trọng A thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng. Do đó để giải quyết vụ án toàn diện và đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án đưa Ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách là cơ quan có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà V là đối tượng hưởng trợ cấp xã hội nên Tòa án thông báo Trợ giúp viên tham gia Trợ giúp pháp lý cho bà V, đồng thời anh Trọng A là người chăm sóc bà V nên Tòa án chỉ định làm người đại diện hợp pháp cho bà V là phù hợp với pháp luật.

- Chị Phạm Ngọc G và Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) nên được chấp nhận.

- Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Trường A và Phạm Trọng A được triệu tập hợp lệ 02 lần vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và anh Trường A, Trọng A.

Ngân hàng khởi kiện anh Phạm Trọng A về việc thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Ngày 19 tháng 6 năm 2023, Ngân hàng có gửi đơn đến Tòa án xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay, vì người bị kiện đã thanh toán hết nợ. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 219 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc khởi kiện thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng đối với anh Phạm Trọng A; Ngân hàng được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do xuất phát từ việc từ chối nhận di sản thừa kế, nguyên đơn cho rằng việc từ chối nhận thừa kế và làm văn bản chia thừa kế là trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mình nên khởi kiện yêu cầu hủy 02 văn bản từ chối nhận thừa kế tài sản, 02 văn bản chia thừa kế tài sản của bà Lê Thị Vui được lập cùng ngày 21/7/2016 tại UBND xã Đ và yêu cầu công nhận bà V có ½ tài sản để thi hành án; Ngân hàng khởi kiện anh Trọng A yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp: “Xác định quyền sở hữu, QSD tài sản chung để thi hành án; Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Xác định yêu cầu của nguyên đơn

Bà H yêu cầu hủy 02 văn bản phân chia tài sản thừa kế và hủy 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế của bà V lập cùng ngày 21/7/2016 tại UBND xã Đ; công nhận bà V có $\frac{1}{2}$ phần tài sản chung với ông Phạm Minh Th, phần đất NTS thuộc thửa 113 + 138 tờ bản đồ số 09 diện tích 33.350m². Vì cho rằng việc từ chối nhận di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế là hành vi tẩu tán tài sản làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H và bà H khởi kiện nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn

[3.1] *Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị V với ông Phạm Minh Th*: Theo hồ sơ thể hiện, bà V và ông Th chung sống với nhau khoảng năm 1985, ông bà có 03 người con chung, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1989, ông bà chung sống với nhau đến năm 2014 ông Th mất.

Tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”.

Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, thì khuyến khích đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Mặc dù, các đương sự không cung cấp thông tin về việc bà V và ông Th có đăng ký kết hôn hay không, nhưng qua phân tích trên, có cơ sở xác định bà V, ông Th chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 trở về trước nên được xem là hôn nhân thực tế.

[3.2] *Xét tài sản chung giữa bà V, ông Th*: Nguồn gốc phần đất do ông Phạm Minh Th đứng tên QSD đất được cấp là do nhận chuyển nhượng năm 1990; theo danh sách và quyết định cấp giấy chứng nhận QSD đất thì ông Phạm Minh Th được xét cấp giấy chứng nhận theo biên bản xét ngày 31/10/1992, sau đó UBND xã lập tờ trình và UBND huyện ban hành quyết định cấp theo danh sách nên không thể hiện tài sản chung hay riêng của vợ chồng ông Th, bà V.

Căn cứ vào giấy chứng nhận QSD đất được cấp ngày 25/10/1993, phần đất có diện tích 33.350 m² tọa lạc tại ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau thửa số 113, 138 tờ bản đồ số 9, UBND huyện Ngọc Hiển (cũ) cấp cho ông Phạm Minh Th. Theo quy định Luật Đất đai năm 1987 và Luật Đất đai năm 1993 chưa bắt buộc QSD đất phải ghi tên vợ và chồng, đến Luật Đất đai năm 2003 mới quy định rõ. Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”.

Từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận QSD đất đến năm 2014 ông Th mất, giữa ông Th và bà V chưa có văn bản thể hiện là chia tài sản chung trong thời kỳ

hôn nhân; do đó, căn cứ vào nguồn gốc đất thì QSD đất do ông Th đứng tên là tài sản chung của ông Th và bà V có được trong thời kỳ hôn nhân.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và 02 văn bản phân chia tài sản thừa kế ký cùng ngày 21/7/2016 tại UBND xã Đ: Thấy rằng, như đã phân tích trên, phần đất nuôi trồng thủy sản ông Phạm Minh Th được UBND huyện Ngọc Hiển (cũ) cấp giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 25/10/1993, phần đất có diện tích 33.350 m² tọa lạc tại ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau thừa số 113, 138 tờ bản đồ số 9 là tài sản chung của bà Lê Thị V với ông Phạm Minh Th.

Về nguyên tắc, tài sản chung mỗi bên được hưởng ½, ông Th chết không để lại di chúc thì phần di sản của ông Th được chia theo pháp luật thừa kế.

Riêng ½ diện tích đất của bà V, sau khi ông Th chết bà V và 03 người con thỏa thuận chia thừa kế, bà V và chị G từ chối nhận thừa kế, giao hết cho 02 người con trai là anh Trường A và anh Trọng A là chưa đúng với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Bởi lẽ:

- Phần đất do ông Th đứng tên QSD là có ½ của bà V nên bà V chỉ được từ chối hưởng di sản thừa kế của chồng bà chết để lại nếu như không thuộc trường hợp thực hiện nghĩa vụ về tài sản với người khác theo Điều 620 Bộ luật Dân sự.

- Thời điểm mà bà V và các con bà V đến xã lập văn bản từ chối nhận thừa kế và chia thừa kế là thời điểm bà V có nợ bà H một khoản tiền nợ hui hơn hai trăm triệu đồng, do đó việc từ chối nhận di sản và phân chia di sản là nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với bà H.

- Ngoài phần đất là tài sản chung với ông Th thì bà V không còn tài sản nào khác tại địa phương để đảm bảo trả nợ cho bà H.

Mặt khác, đây là tài sản chung của bà V với ông Th, do đó ông Th chết thừa kế mở thì chỉ lập thủ tục chia thừa kế di sản phần của ông Th, phần của bà V không thuộc di sản thừa kế. Thời điểm bà V và các con bà lập các văn bản trên thì Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 chưa có hiệu lực, nên áp dụng luật thời điểm là BLDS 2005 để giải quyết. Theo quy định tại Điều 129 BLDS năm 2005: *“Trong trường hợp xác lập giao dịch giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch đó vô hiệu”*. Như vậy, 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế do bà V và các con bà lập cùng ngày 21/7/2016 tại UBND xã Đ là giả tạo, do đó bị vô hiệu theo Điều 129 BLDS năm 2005.

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, công nhận bà Lê Thị V có ½ tài sản chung với ông Phạm Minh Th.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và 02 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế do bà V và các con bà lập cùng ngày 21/7/2016 tại UBND xã Đ là không cần thiết. Vì theo quy định

tại Điều 137 BLDS 2005 thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Cơ quan đăng ký đất đai, căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để điều chỉnh biến động theo quy định của Luật Đất đai.

[5] Đối với ông Lê Thanh T, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ông T cho rằng có đầu tư lên phần đất có tranh chấp, Tòa án có văn bản số 56/TB-TA ngày 09/02/2023 gửi cho ông T để xác định thực tế có đầu tư trên đất không, nếu có thì đầu tư bao nhiêu và có đặt ra yêu cầu gì không. Hết thời hạn quy định ông T không có văn bản phản hồi nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan là có căn cứ. Do Tòa án chỉ xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các văn bản phân chia thừa kế, từ chối nhận thừa kế của bà V, nếu sau này quyền lợi của ông T có bị ảnh hưởng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng, thời điểm bà V và các con bà V ký các văn bản trên là chưa có bản án của Tòa án nên không thể gọi là người thứ ba ngay tình cần được bảo vệ. Thấy rằng, theo quy định tại Điều 129 BLDS 2005 thì khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu do giả tạo thì không giới hạn thời gian, như đã phân tích trên, mặc dù chưa có bản án của Tòa án, nhưng bà V nợ tiền hụi bà H là có thật, thứ hai là bà V chỉ từ chối nhận thừa kế tài sản do ông Th để lại; do đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên bà V được công nhận có $\frac{1}{2}$ là phù hợp.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; tuyên bố 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và 02 văn bản phân chia tài sản thừa kế do bà V và chị Phạm Ngọc G, anh Phạm Trường A, anh Phạm Trọng A lập cùng ngày 21/7/2016 tại UBND xã Đ là vô hiệu; công nhận bà Lê Thị V có $\frac{1}{2}$ tài sản chung là QSD đất với ông Phạm Minh Th.

[7] Về định giá: Do nguyên đơn yêu cầu hủy các văn bản phân chia thừa kế và từ chối nhận tài sản thừa kế để xác định bị đơn có tài sản chung đảm bảo cho thi hành án, không xem xét về giá trị nên việc định giá là không cần thiết.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng chi phí này, tại phiên tòa bà H đồng ý chịu hết chi phí này, bà đã nộp đủ không phải nộp tiếp.

Về án phí: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí; bà V là người khuyết tật đặc biệt nặng, có hưởng trợ cấp xã hội, tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho bà V có yêu cầu được miễn án phí cho bà V nếu bà V thuộc trường hợp phải nộp. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí cho bà V.

Bà H không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ngân hàng rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tiền tạm ứng án phí đã nộp được nhận lại toàn bộ.

[9] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, tuy nhiên như đã phân tích trên chỉ cần tuyên bố các văn bản vô hiệu không cần tuyên hủy các văn bản là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu thanh toán hợp đồng tín dụng và xử lý hợp đồng thế chấp tài sản đối với anh Phạm Trọng A. Đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 129, Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H đối với bà Lê Thị V.

Tuyên bố: 02 văn bản phân chia tài sản thừa kế lập cùng ngày 21/7/2016 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ số 97/2016 và số 100/2016, Quyền số 01/2016-SCT/HĐ,GD của bà Lê Thị V, chị Phạm Ngọc G, anh Phạm Trường A và anh Phạm Trọng A; 02 văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế lập cùng ngày 21/7/2016 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ số 96 và 101/2016, Quyền số 01/2016-SCT/HĐ,GD của bà Lê Thị V, chị Phạm Ngọc G, anh Phạm Trọng A và anh Phạm Trường A1 là vô hiệu.

Công nhận bà Lê Thị V có $\frac{1}{2}$ tài sản chung trong quyền sử dụng đất diện tích 33.350 m² với ông Phạm Minh Th, phần đất thuộc thửa 113, 138 tờ bản đồ số 9 số B547697 số vào sổ 05B54 QSDĐ UBND huyện Ngọc Hiến cấp ngày 25/10/1993, phần đất tọa lạc tại ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Ngọc Hiến (nay là Năm Căn), tỉnh Cà Mau.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 400.000 đồng bà H đồng ý chịu, bà đã nộp đủ.

- Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị V.

Bà H được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015569 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí 4.118.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016031 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính